

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HS-ST.
Ngày 17/4/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trương Văn Mên.

- Bà Thạch Thị Yến Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 4 năm 2024 đối với:

Bị cáo Phan Văn Út sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977, nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thái N (chết) và bà Võ Thị G (chết); vợ, con: Không; anh, chị, em ruột có 06 người kể cả bị cáo, lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất là bị cáo. Tiền án: Không; tiền sự: 01 lần, ngày 07/6/2023 bị Ủy ban nhân dân thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản với số tiền 2.500.000 đồng, bị cáo chưa nộp tiền phạt; nhân thân: Xấu. Bị tạm giữ từ ngày 24/01/2024 đến ngày 30/01/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Dương Trung T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 158/11, đường Nguyễn H, phường K, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng: Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa:

- Một xe mô tô biển số 62K3-2990, nhãn hiệu: BOSS, màu sơn: Nâu, số máy: VMESE1-904469, số khung: SB10CD5H-904469.

- Một giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 62K3-2990 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Long An cấp ngày 16/9/2005.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 23/01/2024, bị cáo Phan Văn U điều khiển xe mô tô biển số 62K3-2990 đến xã M, huyện Cầu Ngang để tìm việc làm nhưng không tìm được việc, bị cáo điều khiển xe chạy hướng về thành phố Trà Vinh, khi điều khiển xe đi trên tuyến đường nhựa liên xã đến đoạn thuộc ấp H, xã M, huyện Cầu Ngang, bị cáo phát hiện nhà ông Nguyễn Văn Đ có một cuộn dây điện, vỏ bằng nhựa màu vàng và đen, loại dây đơn, hai dây xoắn với nhau, đã qua sử dụng đang để ở hành lang trước nhà, bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm cuộn dây điện trên để bán lấy tiền tiêu xài.

Đến khoảng 02 giờ ngày 24/01/2024, bị cáo điều khiển xe mô tô từ thành phố Trà Vinh quay trở lại nhà ông Đ, quan sát thấy nhà ông Đ đóng cửa, tắt đèn, cuộn dây điện vẫn còn để tại vị trí hành lang trước nhà, bị cáo lén lút lấy trộm cuộn dây điện để lên yên xe rồi điều khiển xe rời khỏi hiện trường, cùng lúc này ông Đ thức dậy, phát hiện một đối tượng vừa chở cuộn dây điện chạy qua nghi là trộm cắp, ông Đ đi kiểm tra phát hiện cuộn dây điện để trước hành lang nhà bị mất nên ông Đ điện báo chính quyền địa phương. Nhận được tin báo, lực lượng Công an huyện Cầu Ngang tiến hành xác minh, truy bắt theo hướng tẩu thoát của bị cáo, khi đến khu vực ấp Chà D, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh lực lượng Công an phát hiện bị cáo đang đốt cuộn dây điện trong khu vực nghĩa trang vắng người có đặc điểm như bị hại miêu tả. Qua làm việc, bị cáo thừa nhận cuộn dây điện đang đốt cháy xén phần vỏ là tài sản do bị cáo vừa trộm được tại ấp H, xã M, huyện Cầu Ngang, Công an tiến hành thu giữ vật chứng có liên quan và mời bị cáo về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL.HĐĐG ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cầu Ngang kết luận: 250 mét dây điện đã qua sử dụng, loại dây nhôm, loại 1, dây 12 milimet, vỏ dây điện bằng nhựa màu đen và vàng, loại dây đơn, hai dây xoắn với nhau có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 750.000 đồng (BL100 -101).

Qua xác minh tiền án, tiền sự xác định: Bị cáo Phan Văn Út có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, đã bị Ủy ban nhân dân thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 đồng theo Quyết định số 54/QĐ-XPVPHC ngày 07/6/2023, đến nay bị cáo chưa nộp phạt, tiền sự vẫn còn, bị cáo lại tiếp tục vi phạm.

Ngày 30/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Ngang ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo Phan Văn U về tội Trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam bị cáo để phục vụ công tác điều tra.

Vật chứng của vụ án:

- Trả lại cho bị hại ông Nguyễn Văn Đ nhận 01 cuộn dây điện đã cháy gần hết vỏ nhựa, bên trong lõi dây bằng kim loại màu trắng, dây điện trong tình trạng bị đứt đoạn, trọng lượng 14kg (mười bốn kilogam).

- Một xe mô tô biển số 62K3-2990, nhãn hiệu BOSS, màu sơn nâu, số máy VMESE1 – 904469, số khung SB10CD5H – 904469 và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 62K3 – 2990 do ông Nguyễn Vương Trung T, sinh năm 1967 cư trú: Số 4/99, ấp D, xã K, thành phố Tân An, tỉnh Long An đứng tên chủ sở hữu vào ngày 16/9/2005. Qua xác minh ông Nguyễn Vương Trung T có nơi cư trú mới tại số 158/11, đường Nguyễn H, phường K, thành phố Tân An, tỉnh Long An, hiện ông T không có mặt ở địa phương nên không làm việc được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn Đ đã nhận lại dây điện bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường phần thiệt hại đối với cuộn dây điện do bị cáo đốt cháy làm hư hỏng nên không xem xét giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số: 19/CT-VKS-HS, ngày 28/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, quyết định truy tố bị cáo Phan Văn U về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Văn U khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản Cáo trạng mô tả. Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, mà hoàn toàn thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Vương Trung T đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Nguyễn Văn Đăng đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- *Về trách nhiệm hình sự:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn U phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phan Văn U nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Đэм là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phan Văn U khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào khoảng 10 giờ ngày 23/01/2024, bị cáo Phan Văn U điều khiển xe mô tô biển số 62K3-2990 đến xã M, huyện Cầu Ngang để tìm việc làm nhưng không tìm được việc, bị cáo điều khiển xe chạy hướng về thành phố Trà Vinh, khi điều khiển xe trên tuyến đường nhựa liên xã đến đoạn thuộc ấp H, xã M, huyện Cầu Ngang, bị cáo phát hiện nhà ông Nguyễn Văn Đ có một cuộn dây điện, vỏ bằng nhựa màu vàng và đen, loại dây đơn, hai dây xoắn với nhau, đã qua sử dụng được để ở hành lang trước nhà, lúc này bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm cuộn dây điện trên để bán lấy tiền tiêu xài.

Đến khoảng 02 giờ ngày 24/01/2024, bị cáo điều khiển xe mô tô từ thành phố Trà Vinh quay trở lại nhà ông Đ, quan sát thấy nhà ông Đ đóng cửa, tắt đèn, cuộn dây điện vẫn còn để tại vị trí hành lang trước nhà, bị cáo lén lút lấy trộm cuộn dây điện để lên yên xe rồi điều khiển xe rời khỏi hiện trường, cùng lúc này ông Đ thức dậy phát hiện một đối tượng vừa chở cuộn dây điện chạy qua nghi là trộm cắp, ông Đ đi kiểm tra phát hiện cuộn dây điện để trước hành lang nhà bị mất trộm nên ông Đ điện thoại báo chính quyền địa phương. Nhận được tin báo, lực lượng Công an huyện Cầu Ngang tiến hành xác minh, truy bắt theo hướng tẩu thoát của bị cáo, khi đến khu vực ấp C, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh lực lượng Công an phát hiện bị cáo đang đốt cuộn dây điện trong khu vực nghĩa trang vắng người có đặc điểm như bị hại miêu tả.

Qua làm việc, bị cáo thừa nhận cuộn dây điện đang đốt cháy xén phần vỏ là do bị cáo vừa trộm được tại ấp H, xã M, huyện Cầu Ngang, Công an tiến hành thu giữ vật chứng có liên quan và mời bị cáo về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL.HĐĐG ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Ngang kết luận: 250 (Hai trăm năm mươi) mét dây điện đã qua sử dụng, loại dây nhôm, loại 1, dây 12 milimet, vỏ dây điện bằng nhựa màu đen và vàng, loại dây đơn, hai dây xoắn với nhau có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 750.000 đồng (BL100-101).

Xét thấy tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị là 750.000 đồng (dưới 2.000.000 đồng) là chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp

tài sản, nhưng do bị cáo có 01 tiền sự, tại Quyết định số 54/QĐ-XPVPHC ngày 07/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (xe đạp điện), bị cáo chưa nộp phạt, tiền sự vẫn còn, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản như đã nêu trên thì bị Công an bắt quả tang.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phan Văn U phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, bị cáo đã lén lút giữa đêm khuya trộm cắp 250 (Hai trăm năm mươi) mét dây điện của ông Đ trị giá 750.000 đồng, trong khi bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo trộm cắp tài sản của ông Đ mục đích bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi đáng lên án, thể hiện bị cáo bất chấp xem thường pháp luật cũng như tài sản của người khác, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động, sản xuất, gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù

nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn Đ đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy xe mô tô biển số 62K3-2990, nhãn hiệu: BOSS, màu sơn: Nâu, số máy: VMESE1-904469, số khung: SB10CD5H-904469 cùng giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 62K3-2990 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Vương Trung T ngày 16/9/2005, hiện ông Trưc bỏ đi khỏi nơi cư trú nên không làm việc được, quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo khai mua chiếc xe này của anh Tr vào khoảng tháng 8 năm 2023 với giá 3.500.000 đồng, đến nay bị cáo chưa làm thủ tục sang tên để đăng ký xe chính chủ.

Xét thấy bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 62K3-2990 để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Đ. Hội đồng xét xử quyết định tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Văn U có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn U phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Văn U 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24 tháng 01 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

- Một xe mô tô biển số 62K3-2990, nhãn hiệu: BOSS, màu sơn: Nâu, số máy: VMESE1-904469, số khung: SB10CD5H-904469.

- Một giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 62K3-2990 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Long An cấp ngày 16/9/2005.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Văn U nộp 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm